

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/DS-ST

Ngày: 10/3/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Trung Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hoa

Bà Nguyễn Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở TAND huyện Vĩnh Cửu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2022/TLST-DS ngày 15/3/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXX-DS ngày 31/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2023/QĐST-DS ngày 20/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1982

Địa chỉ: thường trú: số 8, đường H, K3, phường T, Q.1, TP.HCM.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Ngọc Á, sinh năm 1971

Địa chỉ: số 1, đường N, tổ 7, ấp C, xã P, huyện C, TP.HCM.

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm 1984

Trú tại: tổ 7, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(ông Á có mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai có tại hồ sơ đại diện nguyên đơn ông Đinh Ngọc Á trình bày:

Do quen biết làm ăn với nhau, ông Nguyễn Thanh P gặp khó khăn về kinh tế, nên có vay của ông Phạm Quốc T số tiền là 116.000.000 đồng, khi cho vay có làm giấy tay với nhau và ông T đã chuyển khoản cho ông P vay 100.000.000 đồng và đưa tiền mặt là 16.000.000 đồng, ông P đã viết giấy xác nhận nợ và cam kết hoàn trả trong thời hạn là 01 tháng, nhưng đến hạn ông P không chịu trả cho ông T được đồng nào. Vì vậy ông T đề nghị Tòa án buộc ông P phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông T số tiền gốc đã cho mượn và yêu cầu tính lãi quá hạn là 10%/năm bằng 30.000.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng cả gốc và lãi ông T yêu cầu ông P phải trả là 146.000.000 đồng.

Khi cho vay tiền ông P có cầm cho ông T 01 chứng minh nhân dân đứng tên ông P, 01 sổ hộ khẩu và 01 giấy phép lái xe đứng tên ông P để làm tin, sau đó đến ngày 04/01/2020 do bị Công an thời phạt, ông P mượn lại các giấy tờ trên và ông T đã đưa cho ông P các giấy tờ trên. Hiện tại ông T không còn giữ giấy tờ gì.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh P không có lời khai tại tòa:

* Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thẩm quyền giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu giải quyết là đúng thẩm quyền; Về xác định tư cách tố tụng là đúng; Thời hạn giải quyết đúng quy định; Hồ sơ gửi viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục tổng đạt cho đương sự, niêm yết và thông báo công khai trên thông tin đại chúng đúng quy định; Xác minh thu thập tài liệu chứng cứ đúng quy định. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận nên buộc ông P phải chịu án phí DSST theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1]. Về tố tụng:

1.1. Áp dụng Điều 26; 35; 39 Bộ luật TTDS năm 2015 quy định căn cứ vào nơi cư trú của bị đơn, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

1.2. Căn cứ vào Điều 85; 86 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định về đại diện theo ủy quyền, ông Phạm Quốc T có giấy ủy quyền cho ông Đinh Ngọc Á ngày 09/12/2021 được Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc Bích công chứng hợp lệ, nên được chấp nhận.

1.3. Đối với ông Nguyễn Thanh P đã được tòa án triệu tập hợp lệ hai lần và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định, nhưng ông P vẫn vắng mặt áp dụng khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông P.

1.4. Về tư cách tố tụng: Ông Á xác định số tiền cho vay là của riêng ông T, không có ai khác liên quan đến số tiền này (hiện ông T đang độc thân) và ông Á xác định cho mình ông P vay tiền và yêu cầu mình ông P trả tiền, nên không có ai khác liên quan đến vụ án.

2] Về nội dung:

2.1. Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quốc T đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh P phải có trách nhiệm trả nợ cho ông số tiền đã vay nợ, nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

2.2. Đối với việc vay mượn nợ giữa ông Phạm Quốc T và ông Nguyễn Thanh P được các bên xác nhận bằng giấy tay với nhau, nên việc vay mượn nợ giữa các bên là có thật.

2.3. Đối với việc vay mượn nợ này được ông P đưa cho ông T giữ giấy tờ tùy thân để làm tin, sau đó ông P bị Công an xử phạt vi phạm hành chính, nên đã mượn lại giấy

tờ của ông P có làm giấy tay, nên Hội đồng xét xử không tiếp tục đặt ra xem xét đối với các giấy tờ này.

2.4. Ông Nguyễn Thanh P đã được tòa án triệu tập hợp lệ hai lần, để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của ông P nên Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3 số liên tiếp theo quy định, nhưng ông P vẫn vắng mặt. Đây coi như ông P tự tước bỏ quyền trình bày và cung cấp chứng cứ của mình tại Tòa án.

2.5. Đối với yêu cầu của ông T đề nghị Tòa án xem xét buộc ông P phải có trách nhiệm trả nợ cho ông T số tiền vay nợ trên. Xét thấy căn cứ vào giấy xác nhận nợ vay và cam kết trả nợ được ông P ký nhận và lấn dấu vân tay xác nhận, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông T.

2.6. Đối với lời trình bày của ông A cho rằng do chỗ quen biết giữa ông T với ông P với nhau nên khi ông P gặp khó khăn và ông T đã giúp đỡ bằng cách cho mượn tiền, nhưng sau đó ông P không trả theo thỏa thuận. Vì vậy nay tại Tòa ông đề nghị Tòa án buộc ông P phải có trách nhiệm trả nợ cho ông T theo yêu cầu của ông T là 116.000.000 đồng và yêu cầu 30.000.000 đồng tiền lãi. Xét thấy lời trình bày của ông A là phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

2.7. Về lãi suất đối với giấy xác nhận nợ và cam kết trả nợ không thỏa thuận về lãi, thời hạn vay thỏa thuận là 01 tháng, trong thời gian này ông T cũng không yêu cầu tiền lãi đây là sự tự nguyện của đương sự nên được ghi nhận.

2.8. Đối với lời trình bày của ông A về yêu cầu tính lãi, ông đề nghị Tòa án tính lãi suất chậm trả là 10%/năm từ ngày ông P vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 24/01/2020 đến nay với số tiền là 30.000.000 đồng. Xét thấy lời trình bày của ông A là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận số tiền lãi nêu trên.

2.9. Từ những nhận định trên xét thấy yêu cầu của ông Phạm Quốc T đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh P phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền là 146.000.000 đồng (trong đó gốc là 116.000.000 đồng, lãi là 30.000.000 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

3]. Đối với chi phí tố tụng ông T đã nộp để đăng thông tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng. Căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì người yêu cầu phải chịu chi phí này. Ông T đã nộp đủ, nên Hội đồng xét xử không tiếp tục đặt ra xem xét.

4]. Về án phí: Do yêu cầu của ông Phạm Quốc T được chấp nhận nên ông Nguyễn Thanh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.300.000 đồng (của số tiền 146.000.000 đồng x 5%).

Hoàn trả lại ông Phạm Quốc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.480.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004109 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

5]. Xét quan điểm của VKS phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ các Điều 26; 35; 39; 147; 227; 269; 271; 273; 278; 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; 466; 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. **Nghị quyết số 326/2016/**

UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tuyên buộc ông Nguyễn Thanh P phải có trách nhiệm phải trả cho ông Phạm Quốc T số tiền là 146.000.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Ông Nguyễn Thanh P phải chịu 7.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại ông Phạm Quốc T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.480.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0004109 ngày 15/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Ông Phạm Quốc T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại.

Riêng ông Nguyễn Thanh P được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND H. Vĩnh Cửu;
- VKSND tỉnh ĐN;
- TAND tỉnh ĐN;
- THADS H. Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Lưu Trung Chiến